

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

Trang

| | | |
|----|--|---------|
| 1. | Mục lục | 01 |
| 2. | Báo cáo của Ban Tổng giám đốc | 02 – 04 |
| 3. | Báo cáo kiểm toán độc lập | 05 – 06 |
| 4. | Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán | |
| | Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 07 – 10 |
| | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 11 |
| | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 12 – 13 |
| | Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 14 – 44 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (công ty con) đã được kiểm toán.

1. Thông tin chung về tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 11) vào ngày 01 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 255.227.670.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy. Các sản phẩm khác từ giấy. Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu: các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy; Dịch vụ: thiết kế, chế tạo, lắp đặt, gia công, sửa chữa thiết bị, tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy; Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định; In bao bì; Gia công, sản xuất bao bì giấy, nhôm, nhựa (trừ tài chế phế thải giấy, kim loại, nhựa); Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; In nhãn mác, catalog, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu sản phẩm hàng hóa; hướng dẫn sử dụng thiết bị, công cụ và sản phẩm tiêu dùng; biểu mẫu, văn hóa phẩm và giấy tờ giao dịch hành chính của các doanh nghiệp; giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (không tái chế phế thải); Mua bán: sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in, hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản; Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư; Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà; Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại trụ sở); Kinh doanh lữ hành nội địa; Đào tạo nghề; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề; Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở); Giáo dục văn hóa nghệ thuật (trừ hoạt động vũ trường); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng); Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh.

Công ty con:

| <u>Tên công ty</u> | <u>Địa chỉ trụ sở chính</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích</u> | <u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u> |
|-------------------------------|---|----------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | 29 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh | 51,03% | 51,03% |

2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính đến ngày lập báo cáo bao gồm:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|------------------------|-----------------|
| - Ông Bùi Quang Mẫn | Chủ tịch |
| - Bà Nguyễn Thị Thu | Phó Chủ tịch |
| - Ông Trần Hoàng Nghĩa | Thành viên |
| - Ông Bùi Quang Minh | Thành viên |
| - Ông Bùi Quang Khoa | Thành viên |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban kiểm soát điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính đến ngày lập báo cáo bao gồm:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-------------------------------|--------------------------------------|
| - Ông Võ Trần Quốc | Trưởng ban (kể từ ngày 15/07/2016) |
| - Bà Lê Nguyễn Thị Bích Trang | Trưởng ban (đến hết ngày 15/07/2016) |
| - Bà Lê Thị Minh Giang | Phó ban (đến hết ngày 15/07/2016) |
| - Ông Phạm Như Bách | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Minh Hùng | Thành viên (kể từ ngày 15/07/2016) |

Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính đến ngày lập báo cáo bao gồm:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|------------------------|---------------------------------------|
| - Ông Bùi Quang Minh | Tổng giám đốc kể từ ngày 01/08/2016 |
| - Ông Trần Hoàng Nghĩa | Tổng giám đốc đến hết ngày 01/08/2016 |
| - Ông Nguyễn Thị Thu | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Bùi Quang Khoa | Phó Tổng giám đốc |

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

7. Xác nhận của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng giám đốc



Bùi Quang Minh
Tổng giám đốc

Số: 55 /2017/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như thuyết minh số V.12 "Đầu tư tài chính dài hạn", Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán; Các khoản lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của các khoản đầu tư tài chính vào công ty khác được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán.


Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kê tiền mặt số tiền 2.465.976.194 đồng tại Công ty con (Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực), vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi xác định tính hiện hữu của tiền mặt nêu trên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam





Trần Thị Nguyệt
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2015-242-1



Nguyễn Thị Hué
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2493-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01-HN/DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 187.905.882.008 | 144.481.360.008 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 4.970.773.406 | 2.575.174.031 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.970.773.406 | 2.575.174.031 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 12.500.000.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 12.500.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 147.550.921.162 | 99.325.011.574 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 137.265.207.002 | 132.666.707.581 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 14.236.188.882 | 5.860.506.781 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 20.777.860.599 | 8.083.371.971 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (24.728.335.321) | (47.285.574.759) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 22.106.209.243 | 40.754.902.109 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 27.336.984.799 | 43.436.565.801 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (5.230.775.556) | (2.681.663.692) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 777.978.197 | 1.826.272.294 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 123.846.264 | 86.394.574 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 456.061.241 | 1.563.696.027 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 198.070.692 | 176.181.693 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 314.213.310.699 | 294.783.124.366 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| II. Tài sản cố định | 220 | | 43.764.075.815 | 7.743.071.401 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 18.788.171.944 | 7.743.071.401 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 48.995.847.921 | 32.076.578.051 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (30.207.675.977) | (24.333.506.650) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 24.975.903.871 | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 26.653.475.271 | 175.482.723 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (1.677.571.400) | (175.482.723) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.415.998.577 | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 2.415.998.577 | - |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.12 | 259.132.489.575 | 287.038.004.258 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 226.426.821.439 | 320.484.089.694 |
| 3. Đầu tư khác vào công ty khác | 253 | | 69.229.895.082 | 62.434.024.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (36.524.226.946) | (95.880.109.436) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 8.900.746.732 | 2.048.707 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | 2.048.707 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | V.8b | 8.900.746.732 | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 502.119.192.707 | 439.264.484.374 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 138.929.462.738 | 145.846.583.929 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 103.989.564.039 | 105.614.583.929 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 9.148.996.412 | 8.013.122.947 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 303.894.401 | 572.455.555 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 1.559.329.573 | 10.296.682.507 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 715.389.851 | 501.169.847 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 12.283.435.969 | 8.971.833.295 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 18.994.149.299 | 45.557.525.207 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 59.546.568.675 | 31.127.794.712 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 1.437.799.859 | 573.999.859 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 34.939.898.699 | 40.232.000.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 32.100.000.000 | 40.232.000.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 2.839.898.699 | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

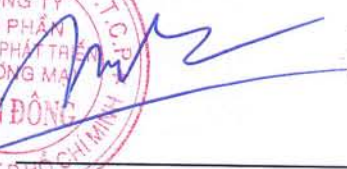
| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 363.189.729.969 | 293.417.900.445 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 363.189.729.969 | 293.417.900.445 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.20 | 255.227.670.000 | 255.227.670.000 |
| 1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 255.227.670.000 | 255.227.670.000 |
| 1b. Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.20 | 3.254.265.000 | 3.254.265.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | V.20 | 2.967.606.986 | 2.967.606.986 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.20 | 15.324.659.007 | 14.454.659.007 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | V.20 | 105.844.658 | 105.844.658 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20 | 40.887.785.320 | 17.407.854.794 |
| 11a LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 24.296.426.818 | 8.390.203.260 |
| 11b LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 16.591.358.502 | 9.017.651.534 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 45.421.898.998 | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 502.119.192.707 | 439.264.484.374 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017


Bùi Văn Thủy
Người lập biểu


Bùi Văn Thủy
Kế toán trưởng




Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B02-HN/DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND


| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|-----------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 77.128.247.558 | 123.522.947.523 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | 81.091.222 | 28.559.264 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 77.047.156.336 | 123.494.388.259 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 72.193.846.158 | 141.687.958.710 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 4.853.310.178 | (18.193.570.451) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 3.603.215.843 | 87.098.138.894 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 108.468.995 | 29.230.162.885 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 8.201.129.030 | 7.053.468.392 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 24 | | 1.766.908.465 | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 1.140.611.503 | 1.620.515.089 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | (7.830.668.683) | 26.122.506.301 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 16.805.022.671 | 11.931.384.168 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 6.887.431.250 | 2.839.194.772 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 3.329.345.278 | 3.505.805.723 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 3.558.085.972 | (666.610.951) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 20.363.108.643 | 11.264.773.217 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.15 | 931.851.442 | 2.247.121.683 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 2.839.898.699 | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>16.591.358.502</u> | <u>9.017.651.534</u> |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 16.277.451.187 | 9.017.651.534 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 313.907.315 | - |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | <u>604</u> | <u>319</u> |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017


Bùi Văn Thủy
Người lập biểu


Bùi Văn Thủy
Kế toán trưởng




Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B03-HN/DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------|--------------------|-----------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 17.843.810.178 | 15.002.828.325 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, V.10 | 1.113.035.090 | 1.238.353.627 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (21.283.644.315) | (6.336.220.637) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (3.568.596.602) | (86.783.405.609) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 8.201.129.030 | 7.053.468.392 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 2.305.733.381 | (69.824.975.902) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 31.954.551.473 | (41.968.248.135) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 19.023.597.818 | 22.161.379.786 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (48.162.031.215) | (30.256.301.154) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 55.005.781 | 103.805.389 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (3.322.748.190) | (3.347.127.053) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (1.907.167.187) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 85.929.265.746 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (53.058.139) | (37.202.201.323) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (2.525.089.486) | (3.065.549.732) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 36.363.636 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (16.895.110.000) | 43.200.000.000 |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 27.212.368.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 354.489.000 | 2.795.330.160 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 8.146.657.514 | 42.966.144.064 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | - | 3.923.700.000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (5.698.000.000) | (8.367.252.833) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (5.698.000.000) | (4.443.552.833) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 2.395.599.375 | 1.320.389.908 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 2.575.174.031 | 1.254.784.123 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 4.970.773.406 | 2.575.174.031 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Bùi Văn Thủy
Người lập biểu



Bùi Văn Thủy
Kế toán trưởng



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B09-HN/DN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 11) vào ngày 01 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 255.227.670.000 đồng.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 083 8428633

Fax : 083 8425880

Website : <http://www.vidon.com.vn>

Mã số thuế : 0 3 0 0 3 7 7 5 3 6

Chi nhánh:

Chi nhánh Bình Dương – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Địa chỉ: Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy. Các sản phẩm khác từ giấy. Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu: các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy; Dịch vụ: thiết kế, chế tạo, lắp đặt, gia công, sửa chữa thiết bị, tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy; Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định; In bao bì; Gia công, sản xuất bao bì giấy, nhôm, nhựa (trừ tài chế phế thải giấy, kim loại, nhựa); Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; In nhãn mác, catalog, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu sản phẩm hàng hóa; hướng dẫn sử dụng thiết bị, công cụ và sản phẩm tiêu dùng; biểu mẫu, văn hóa phẩm và giấy tờ giao dịch hành chính của các doanh nghiệp; giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (không tái chế phế thải); Mua bán: sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in, hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản; Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư; Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà; Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại trụ sở); Kinh doanh lữ hành nội địa; Đào tạo nghề; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề; Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở); Giáo dục văn hóa nghệ thuật (trừ hoạt động vũ trường); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng); Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Tổng số các công ty con: 1 (một) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 (một) công ty

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|-------------------------------|---|----------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | 29 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh | 51,03% | 51,03% |

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông và các đơn vị thành viên hạch toán độc lập do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo của các đơn vị thành viên sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông, và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực sau khi loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định. Riêng Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất chỉ hợp Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 27/12/2016 (ngày kiểm soát) đến ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 |
| Tài sản cố định khác | 03 |

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của doanh nghiệp

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 27 tháng 12 năm 2016 và được phân bổ trong 10 năm.

11. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phái sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu:

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phái sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

22. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 2.517.741.927 | 215.139.783 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.453.031.479 | 2.360.034.248 |
| Cộng | <u>4.970.773.406</u> | <u>2.575.174.031</u> |

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 | - | - |
| Cộng | <u>12.500.000.000</u> | <u>12.500.000.000</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |

(*): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn, theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 65/2016/2317695/HĐTĐG ngày 26/12/2016. Lãi suất: 6,5% (lãi cuối kỳ).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng*****Phải thu của khách hàng ngắn hạn***

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan</i> | 75.223.661.891 | 11.777.686.910 | 104.634.575.686 | 35.422.010.438 |
| - Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | - | - | 27.181.259.206 | 8.571.845.033 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 74.925.815.323 | 11.777.686.910 | 77.355.573.137 | 26.850.165.405 |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 297.846.568 | - | 97.743.343 | - |
| <i>Phải thu ngắn hạn khách hàng là các khách hàng độc lập</i> | 62.041.545.111 | 11.085.448.599 | 28.032.131.895 | 10.750.864.509 |
| - Công ty TNHH Tac Paritas | 20.941.511.470 | - | - | - |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na | 9.766.145.003 | 9.766.145.003 | 9.790.145.003 | 9.790.145.003 |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | 6.497.022.387 | - | 11.969.546.606 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại In Phương Nam | 4.495.142.549 | - | - | - |
| - Công ty TNHH An Hảo | 3.569.483.426 | - | - | - |
| - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn hóa Hương Trang | 1.878.932.164 | - | - | - |
| - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh niên tại Miền Trung | 1.773.588.611 | - | - | - |
| - Công ty Cổ phần In Khánh Hội | 1.401.252.749 | - | 1.407.973.749 | - |
| - Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hiệp Anh | 333.756.600 | - | 444.562.998 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Công nghệ xanh | 251.300.000 | 251.300.000 | 251.300.000 | 175.455.000 |
| - Các khách hàng khác | 11.133.410.152 | 1.068.003.596 | 4.168.603.539 | 785.264.506 |
| Cộng | 137.265.207.002 | 22.863.135.509 | 132.666.707.581 | 46.172.874.947 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán****Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Trả trước cho người bán là các bên liên quan | 3.178.476.826 | - | 1.480.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | - | - | 1.480.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 3.178.476.826 | - | - | - |
| Trả trước cho người bán là các nhà cung cấp độc lập | 11.057.712.056 | 1.735.199.812 | 4.380.506.781 | 982.699.812 |
| - Công ty TNHH Tac Paritas | 9.577.005.507 | 752.500.000 | 1.075.000.000 | - |
| - Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Ngô Viết | 528.000.000 | 528.000.000 | 528.000.000 | 528.000.000 |
| - Công ty TNHH Công viên cây xanh Sa Đéc | 328.376.700 | 328.376.700 | 328.376.700 | 328.376.700 |
| - Các nhà cung cấp khác | 624.329.849 | 126.323.112 | 2.449.130.081 | 126.323.112 |
| Cộng | 14.236.188.882 | 1.735.199.812 | 5.860.506.781 | 982.699.812 |

5. Phải thu khác**Phải thu khác ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 6.412.000.000 | - | 12.000.000 | - |
| Phải thu khác | 14.365.860.599 | 130.000.000 | 8.071.371.971 | 130.000.000 |
| - Công ty TNHH Tac Paritas | 6.120.000.000 | - | 6.120.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 4.413.149.680 | - | 1.820.841.160 | - |
| - Bùi Thị Ngọc Yến - tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn hoá Thanh Trúc | 3.404.700.000 | - | - | - |
| - Ngô Lợi | 130.000.000 | 130.000.000 | 130.000.000 | 130.000.000 |
| - Các đối tượng khác | 298.010.919 | - | 530.811 | - |
| Cộng | 20.777.860.599 | 130.000.000 | 8.083.371.971 | 130.000.000 |

Phải thu khác ngắn hạn là các bên liên quan

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 6.392.000.000 | - | - | - |
| Nguyễn Thị Thu | 6.392.000.000 | - | - | - |
| Phải thu khác | 4.413.149.680 | - | 1.820.841.160 | - |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 4.413.149.680 | - | 1.820.841.160 | - |
| Cộng | 10.805.149.680 | - | 1.820.841.160 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
Nợ xấu**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------------|------------------------|-----------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi được | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi được |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | 63.080.778.918 | 38.352.443.597 | 131.255.469.605 | 83.969.894.846 |
| - Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | - | - | 27.181.259.206 | 18.609.414.173 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 49.797.233.891 | 38.019.546.981 | 77.355.573.137 | 50.505.407.732 |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na | 9.766.145.003 | - | 9.790.145.003 | - |
| - Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Ngô Việt | 528.000.000 | - | 528.000.000 | - |
| - Công ty TNHH Công Viên Cây Xanh Sa Đéc | 328.376.700 | - | 328.376.700 | - |
| - Ngô Lợi | 130.000.000 | - | 130.000.000 | - |
| - Các đối tượng khác | 2.531.023.324 | 332.896.616 | 15.942.115.559 | 14.855.072.941 |
| Cộng | 63.080.778.918 | 38.352.443.597 | 131.255.469.605 | 83.969.894.846 |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay |
|------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 47.285.574.759 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 1.111.084.090 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (15.096.478.495) |
| Xử lý hợp nhất công ty con | (8.571.845.033) |
| Số cuối năm | 24.728.335.321 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.396.894.227 | 1.290.925.597 | 4.456.107.095 | 187.320.842 |
| Thành phẩm | 1.234.092.671 | 18.159.532 | 437.127.340 | 18.386.592 |
| Hàng hóa | 21.705.997.901 | 3.921.690.427 | 38.543.331.366 | 2.475.956.258 |
| Cộng | 27.336.984.799 | 5.230.775.556 | 43.436.565.801 | 2.681.663.692 |

() Dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm nay được tính như sau:*

| | Giá gốc hàng hóa chậm luân chuyển | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho |
|-----------------------|-----------------------------------|--------------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.844.179.424 | 1.290.925.597 |
| Thành phẩm | 25.942.189 | 18.159.532 |
| Hàng hóa | 5.281.030.525 | 3.921.690.427 |
| Cộng | 7.151.152.138 | 5.230.775.556 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ, dụng cụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | 86.394.574 | 167.729.718 |
| Tăng trong năm | 667.994.006 | 684.765.444 |
| Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh trong năm | (720.951.080) | (766.100.588) |
| Tăng do hợp nhất công ty con | 90.408.764 | - |
| Số cuối năm | <u>123.846.264</u> | <u>86.394.574</u> |

b. Lợi thế thương mại

| | <u>Năm nay</u> |
|--------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | - |
| Tăng trong năm (*) | 8.900.746.732 |
| Phân bổ trong năm | - |
| Số cuối năm | <u>8.900.746.732</u> |

(*) Lợi thế thương mại tăng khi mua Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực tại ngày 27/12/2016. Lợi thế thương mại được tính như sau:

| | <u>Số tiền</u> |
|--|-----------------------------|
| Vốn đầu tư thêm vào Công ty con - Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | 17.647.500.000 |
| Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực tại ngày mua 27/12/2016 | 8.746.753.268 |
| - <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 27/12/2016</i> | <i>9.052.800.000</i> |
| - <i>Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 27/12/2016</i> | <i>(306.046.732)</i> |
| Lợi thế thương mại | <u>8.900.746.732</u> |

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)</u> | <u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--|---------------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 21.174.865.344 | 5.151.005.320 | 4.649.447.292 | 1.101.260.095 | 32.076.578.051 |
| Tăng trong năm | 9.208.858.716 | 3.812.402.580 | 3.898.008.574 | - | 16.919.269.870 |
| <i>Mua sắm mới</i> | - | <i>109.090.909</i> | - | - | <i>109.090.909</i> |
| <i>Tăng do hợp nhất</i> | <i>9.208.858.716</i> | <i>3.703.311.671</i> | <i>3.898.008.574</i> | - | <i>16.810.178.961</i> |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | <u>30.383.724.060</u> | <u>8.963.407.900</u> | <u>8.547.455.866</u> | <u>1.101.260.095</u> | <u>48.995.847.921</u> |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 14.237.040.756 | 2.121.755.588 | 4.649.447.292 | 856.139.095 | 21.864.382.731 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 16.077.375.045 | 2.682.445.004 | 4.586.955.147 | 986.731.454 | 24.333.506.650 |
| Tăng trong năm | 2.087.127.916 | 2.442.860.093 | 1.311.690.227 | 32.491.091 | 5.874.169.327 |
| <i>Khấu hao trong năm</i> | <i>368.578.273</i> | <i>649.473.581</i> | <i>62.492.145</i> | <i>32.491.091</i> | <i>1.113.035.090</i> |
| <i>Tăng do hợp nhất</i> | <i>1.718.549.643</i> | <i>1.793.386.512</i> | <i>1.249.198.082</i> | - | <i>4.761.134.237</i> |
| Giảm trong năm | 16.077.375.045 | 2.682.445.004 | 4.586.955.147 | 986.731.454 | 24.333.506.650 |
| Số cuối năm | <u>18.164.502.961</u> | <u>5.125.305.097</u> | <u>5.898.645.374</u> | <u>1.019.222.545</u> | <u>30.207.675.977</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 5.097.490.299 | 2.468.560.316 | 62.492.145 | 114.528.641 | 7.743.071.401 |
| Số cuối năm | <u>12.219.221.099</u> | <u>3.838.102.803</u> | <u>2.648.810.492</u> | <u>82.037.550</u> | <u>18.788.171.944</u> |

(*) Một số phương tiện vận tải có nguyên giá 2.776.000.000 đồng được thế chấp đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12. Xem tại thuyết minh V.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất lâu dài (*) | Quyền sử dụng đất có thời hạn (*) | Phần mềm vi tính | Cộng |
|--|----------------------------------|--------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | - | - | 175.482.723 | 175.482.723 |
| Tăng trong năm | 18.751.415.355 | 7.726.577.193 | - | 26.477.992.548 |
| <i>Mua sắm mới</i> | - | - | - | - |
| <i>Tăng do hợp nhất</i> | 18.751.415.355 | 7.726.577.193 | - | 26.477.992.548 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 18.751.415.355 | 7.726.577.193 | 175.482.723 | 26.653.475.271 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 175.482.723 | 175.482.723 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | - | - | 175.482.723 | 175.482.723 |
| Tăng trong năm | - | 1.502.088.677 | - | 1.502.088.677 |
| <i>Khấu hao trong năm</i> | - | - | - | - |
| <i>Tăng do hợp nhất</i> | - | 1.502.088.677 | - | 1.502.088.677 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số cuối năm | - | 1.502.088.677 | 175.482.723 | 1.677.571.400 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 18.751.415.355 | 6.224.488.516 | - | 24.975.903.871 |

(*) : chi tiết:

| | Diện tích (m2) | Số tiền |
|---|----------------|-----------------------|
| Quyền sử dụng đất lâu dài | | |
| Thửa đất số 174, 180, 181, 182 tại lô số 174-180-181-182, khu 10, khu đô thị mới Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | 1.062,40 | 18.751.415.355 |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | | |
| Thửa đất số 338 tại Lô A-8 đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh | 8.940,30 | 7.726.577.193 |
| Cộng | | 26.477.992.548 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|----------------------|-----------|
| Chi phí xây dựng văn phòng làm việc | | |
| Số đầu năm | - | - |
| Tăng trong năm | 2.415.998.577 | - |
| Kết chuyển tài sản cố định trong năm | - | - |
| Số cuối năm | 2.415.998.577 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Đầu tư tài chính dài hạn****a. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|------------------------|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|----------------|
| | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | | | | | | |
| - Công ty TNHH Bao bì MM VIDON | 34,90% | 34,90% | 97.720.000.000 | 97.720.000.000 | - | (*) |
| - Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | 0,00% | 0,00% | - | 77.882.356.500 | 37.588.828.405 | (*) |
| - Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt | 44,29% | 44,29% | 43.054.496.450 | 38.159.064.754 | 9.775.214.485 | (*) |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | 44,74% | 44,74% | 41.637.123.099 | 33.745.517.000 | - | 33.745.517.000 |
| - Công ty Cổ phần Mai Lan | 0,00% | 0,00% | - | 20.678.440.000 | 4.997.921.889 | (*) |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Viễn đông | 40,00% | 40,00% | 17.980.302.410 | 20.000.000.000 | 1.701.858.738 | (*) |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 37,93% | 37,93% | 18.289.861.780 | 14.841.400.000 | - | (*) |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Hưng Phú | 0,00% | 0,00% | - | 12.708.000.000 | 6.154.655.738 | (*) |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 27,04% | 27,04% | 7.745.037.700 | 4.749.311.440 | - | (*) |
| Cộng | 296.409.106.521 | 36.524.226.946 | 226.426.821.439 | 320.484.089.694 | 60.218.479.255 | |

(*) Ghi chú:

Số đầu năm được trình bày theo phương pháp giá gốc theo số dư đầu năm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Viễn Đông. Số cuối năm được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán.

Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty khác

| Đầu tư vào công ty khác | | | | | | | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----|-----------------------|-----------------------|-----|--|
| - Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng | 27.000.000.000 | 22.184.735.891 | (*) | 27.000.000.000 | 22.287.510.088 | (*) | |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 16.350.000.000 | - | (*) | 16.350.000.000 | | (*) | |
| - Công ty Cổ phần Chè Cà Phê Di Linh | 14.179.560.000 | 11.450.653.811 | (*) | 14.179.560.000 | 11.360.103.937 | (*) | |
| - Công ty Cổ phần Mai Lan | 11.300.335.082 | 2.888.837.244 | (*) | - | | (*) | |
| - Trường Trung học Cơ sở Việt Mỹ | 200.000.000 | - | (*) | 200.000.000 | | (*) | |
| - Trường Trung học Phổ thông Việt Mỹ Anh | 200.000.000 | - | (*) | 200.000.000 | | (*) | |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | - | - | (*) | 754.464.000 | | (*) | |
| - Công ty Cổ phần Thanh Trúc | - | - | (*) | 2.250.000.000 | 944.399.118 | (*) | |
| - Công ty Cổ phần In Khánh Hội | - | - | (*) | 1.500.000.000 | 1.069.617.038 | (*) | |
| Cộng | 69.229.895.082 | 36.524.226.946 | | 62.434.024.000 | 35.661.630.181 | | |

Chi tiết các khoản đầu tư

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|--------------|---|-----------------------|--------------|---|-----------------------|
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) trong vốn điều lệ Công ty nhận đầu tư | Giá trị | Số lượng | Tỷ lệ (%) trong vốn điều lệ Công ty nhận đầu tư | Giá trị |
| Đầu tư vào công ty khác | | | | | | |
| - Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng | 450.000,00 | 10,00% | 27.000.000.000 | 450.000,00 | 10,00% | 27.000.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 1.635.000,00 | 17,42% | 16.350.000.000 | 1.635.000,00 | 17,42% | 16.350.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Chè Cà Phê Di Linh | 236.326,00 | 10,68% | 14.179.560.000 | 236.326,00 | 10,68% | 14.179.560.000 |
| - Công ty Cổ phần Mai Lan | 1.204.970,00 | 19,41% | 11.300.335.082 | - | 0,00% | - |
| - Trường Trung học Cơ sở Việt Mỹ | 20.000,00 | 10,00% | 200.000.000 | 20.000,00 | 10,00% | 200.000.000 |
| - Trường Trung học Phổ thông Việt Mỹ Anh | 20.000,00 | 10,00% | 200.000.000 | 20.000,00 | 10,00% | 200.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | - | 0,00% | - | 77.161,00 | 3,27% | 754.464.000 |
| - Công ty Cổ phần Thanh Trúc | - | 0,00% | - | 225.000,00 | 16,39% | 2.250.000.000 |
| - Công ty Cổ phần In Khánh Hội | - | 0,00% | - | 150.000,00 | 12,50% | 1.500.000.000 |
| Cộng | | | 69.229.895.082 | | | 62.434.024.000 |

(*) Ghi chú:

Các khoản lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của các khoản đầu tư tài chính vào công ty khác được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

591.059 cổ phiếu Công ty Cổ phần Mai Lan, 494.552 cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông, 224.300 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng, 267.280 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh được cầm cố, thế chấp đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam-Sở giao dịch II. Xem tại thuyết minh số V.18.

13. Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan | 4.125.263.675 | 4.125.263.675 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hoá Tây Đô | 4.034.054.000 | 4.034.054.000 | - | - |
| - Công ty TNHH Bao bì MM Vidon | 91.209.675 | 91.209.675 | - | - |
| Phải trả người bán ngắn hạn là các nhà cung cấp độc lập | 5.023.732.737 | 5.023.732.737 | 8.013.122.947 | 8.013.122.947 |
| - Pearson Education South Asia Pte.Ltd | 3.711.488.195 | 3.711.488.195 | 3.663.118.007 | 3.663.118.007 |
| - Công ty TNHH Hệ thống Thiết bị UMW | 693.000.000 | 693.000.000 | - | - |
| - Nhà Xuất bản Văn hoá Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh | 317.963.451 | 317.963.451 | 326.367.536 | 326.367.536 |
| - Các nhà cung cấp khác | 301.281.091 | 301.281.091 | 4.023.637.404 | 4.023.637.404 |
| Cộng | 9.148.996.412 | 9.148.996.412 | 8.013.122.947 | 8.013.122.947 |

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| - Pearson Education South Asia Pte.Ltd | 3.711.488.195 | 3.711.488.195 | 3.663.118.007 | 3.663.118.007 |
| - Nhà Xuất bản Văn hoá Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh | 317.963.451 | 317.963.451 | 326.367.536 | 326.367.536 |
| Cộng | 4.029.451.646 | 4.029.451.646 | 3.989.485.543 | 3.989.485.543 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước****Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các khách hàng độc lập | | |
| - Lao Tobacco Limited | 78.640.519 | 78.640.519 |
| - Công ty TNHH Thương Mại Giấy Duyệt Phát | 77.814.000 | 120.912.000 |
| - Rock International Marketing Pte Ltd | 37.128.699 | 37.128.699 |
| - Các khách hàng khác | 110.311.183 | 335.774.337 |
| Cộng | 303.894.401 | 572.455.555 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**Thuế phải nộp**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|----------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Thuế giá trị gia tăng | 10.125.765 | 10.125.765 | 1.489.167.566 | 1.489.167.566 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 931.851.442 | 931.851.442 | 1.907.167.187 | 1.907.167.187 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 61.423.698 | 61.423.698 | 32.004.354 | 32.004.354 |
| Thuế đất | - | - | 6.868.343.400 | 6.868.343.400 |
| Phải trả thuế bị truy thu, phạt nộp chậm | 555.928.668 | 555.928.668 | - | - |
| Cộng | 1.559.329.573 | 1.559.329.573 | 10.296.682.507 | 10.296.682.507 |

Tình hình biến động của Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | | <u>Số cuối năm</u> | |
|--|-----------------------|--------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|--------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Điều chỉnh khác</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Văn phòng Công ty mẹ | 9.217.640.706 | - | 1.282.546.617 | (2.078.060.609) | (6.868.343.400) | 1.553.783.314 | - |
| Thuế giá trị gia tăng | 10.125.765 | - | - | - | - | 10.125.765 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.907.167.187 | - | 931.851.442 | (1.907.167.187) | - | 931.851.442 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 32.004.354 | - | 117.181.210 | (93.308.125) | - | 55.877.439 | - |
| Thuế đất | 6.868.343.400 | - | - | - | (6.868.343.400) | - | - |
| Phải trả thuế bị truy thu, phạt nộp chậm | 400.000.000 | - | 228.513.965 | (72.585.297) | - | 555.928.668 | - |
| Thuế, phí khác | - | - | 5.000.000 | (5.000.000) | - | - | - |
| Chi nhánh Bình Dương | 1.079.041.801 | 176.181.693 | - | (1.079.041.801) | - | - | 176.181.693 |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa | 1.079.041.801 | - | - | (1.079.041.801) | - | - | - |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | 176.181.693 | - | - | - | - | 176.181.693 |
| Công ty con | - | - | - | - | (16.342.740) | 5.546.259 | 21.888.999 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - | (21.888.999) | - | 21.888.999 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | - | - | - | 5.546.259 | 5.546.259 | - |
| Thuế, phí khác | - | - | - | - | - | - | - |
| Cộng | 10.296.682.507 | 176.181.693 | 1.282.546.617 | (3.157.102.410) | (6.884.686.140) | 1.559.329.573 | 198.070.692 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm Văn phòng Công ty được dự tính như sau:

| | Năm nay |
|---|--------------------|
| Phát sinh tại công ty Mẹ | 931.851.442 |
| Phát sinh tại công ty Con | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 931.851.442 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả**Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|------------------------------|----------------------|------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh 12 | 12.025.709.590 | 12.025.709.590 | 7.147.328.750 | 7.147.328.750 |
| Chi phí khác | 257.726.379 | 257.726.379 | 1.824.504.545 | 1.824.504.545 |
| Cộng | 12.283.435.969 | 12.283.435.969 | 8.971.833.295 | 8.971.833.295 |

17. Phải trả khác**Phải trả khác ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Kinh phí công đoàn | 54.924.241 | 54.924.241 | 30.487.998 | 30.487.998 |
| - Bảo hiểm xã hội | 51.578.444 | 51.578.444 | 21.491.174 | 21.491.174 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 919.110.000 | 919.110.000 | 1.036.200.000 | 1.036.200.000 |
| - Phải trả khác | 17.968.536.614 | 17.968.536.614 | 44.469.346.035 | 44.469.346.035 |
| + Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | - | - | 38.693.762.227 | 38.693.762.227 |
| + Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh (*) | 500.000.000 | 500.000.000 | - | - |
| + Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng (**) | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 | - | - |
| + Phải trả Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Hưng Phú (***) | 4.489.004.297 | 4.489.004.297 | 4.489.004.297 | 4.489.004.297 |
| + Phải trả khác | 479.532.317 | 479.532.317 | 1.286.579.511 | 1.286.579.511 |
| Cộng | 18.994.149.299 | 18.994.149.299 | 45.557.525.207 | 45.557.525.207 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(¹) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/10/HĐHT DL-GTL/2016 ngày 03/10/2016, thời gian hợp tác 02 năm, từ ngày 11/10/2016 đến 11/10/2018, phân chia hiệu quả kinh doanh hàng năm căn cứ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để chia lợi nhuận theo số tiền hợp tác với mức tối thiểu là 7%/năm tính từ ngày nhận tiền hợp tác.

(²) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh thời gian hợp tác 02 năm, phân chia hiệu quả kinh doanh hàng năm căn cứ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để chia lợi nhuận theo số tiền hợp tác với mức tối thiểu là 7%/năm tính từ ngày nhận tiền hợp tác. Chi tiết các Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

| Hợp đồng | Ngày hợp đồng | Số tiền |
|-----------------------|---------------|-----------------------|
| - 230/HĐHT MR-TL/2016 | 26/09/2016 | 5.000.000.000 |
| - 240/HĐHT MR-TL/2016 | 10/10/2016 | 2.500.000.000 |
| - 255/HĐHT MR-TL/2016 | 07/11/2016 | 1.000.000.000 |
| - 250/HĐHT MR-TL/2016 | 01/11/2016 | 2.000.000.000 |
| - 281/HĐHT MR-TL/2016 | 13/12/2016 | 2.000.000.000 |
| Cộng | | 12.500.000.000 |

(³) Là khoản trả lại vốn góp theo Biên bản họp Hội đồng quản trị mở rộng ngày 19/07/2013 của Công ty Cổ phần Văn hóa Hưng Phú do Công ty Cổ phần Văn hóa Hưng Phú. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty Cổ phần Văn hóa Hưng Phú vẫn chưa hoàn thành thủ tục thoái vốn nên vốn góp nhận lại chưa được ghi nhận giảm khoản đầu tư.

Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | - | - | 38.693.762.227 | 38.693.762.227 |
| - Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh | 500.000.000 | 500.000.000 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 | - | - |
| - Phải trả Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Hưng Phú | 4.489.004.297 | 4.489.004.297 | 4.489.004.297 | 4.489.004.297 |
| Cộng | 17.489.004.297 | 17.489.004.297 | 43.182.766.524 | 43.182.766.524 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngân hàng | 59.546.568.675 | 59.546.568.675 | 29.452.794.712 | 29.452.794.712 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (*) | 28.529.794.712 | 28.529.794.712 | 29.452.794.712 | 29.452.794.712 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn (**) | 25.984.773.963 | 25.984.773.963 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 | 5.032.000.000 | 5.032.000.000 | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới | 5.032.000.000 | 5.032.000.000 | - | - |
| Vay các đối tượng khác | - | - | 1.675.000.000 | 1.675.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu Tư Giáo dục Hoàng Việt | - | - | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Ông Trần Hoàng Nghĩa | - | - | 1.175.000.000 | 1.175.000.000 |
| Cộng | 59.546.568.675 | 59.546.568.675 | 31.127.794.712 | 31.127.794.712 |

(*) Hợp đồng tín dụng số 718A/2013/HĐ ngày 30/08/2013 và các phụ lục gia hạn với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng : 40.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng;
- Lãi suất cho vay: xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Khoản vay được đảm bảo bằng: 591.059 cổ phiếu Công ty Cổ phần Mai Lan, 494.552 cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông, 267.280 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh, 224.300 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng, 606.761 cổ phiếu Công ty Chè Lâm Đồng.

(**) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 44/2016/2317695/HĐTD ngày 14/12/2016 với hạn mức vay 100.000.000.000 đồng với mục đích bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 50% tổng dư nợ, bảo lãnh và phát hành L/C tại mọi thời điểm.

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là bên liên quan

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------|-------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ông Trần Hoàng Nghĩa | - | - | 1.175.000.000 | 1.175.000.000 |
| Cộng | - | - | 1.175.000.000 | 1.175.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 | 32.100.000.000 | 32.100.000.000 | 40.232.000.000 | 40.232.000.000 |
| Số dư nợ gốc | 37.132.000.000 | 37.132.000.000 | 40.232.000.000 | 40.232.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới | (5.032.000.000) | (5.032.000.000) | - | - |
| Cộng | 32.100.000.000 | 32.100.000.000 | 40.232.000.000 | 40.232.000.000 |

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 12 theo Hợp đồng tín dụng số 131/HĐTD ký ngày 20/07/2010 và khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD ngày 28/09/2007.

Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung tháng 8/2012 về hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD ngày 28/09/2007, các nội dung sửa đổi như sau:

Thời hạn cho vay: 138 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời hạn cũ 96 tháng), trong đó:

- Thời gian ân hạn: 18 tháng
- Thời gian trả nợ: 120 tháng

Khoản vay được thế chấp bằng một số phương tiện vận tải có nguyên giá 2.776.000.000 đồng, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông Trần Hoàng Nghĩa và bà Mai Thị Trúc Giang, 117.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chè cà phê Di Linh do ông Bùi Quang Mẫn là chủ sở hữu, 99.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chè cà phê Di Linh do bà Nguyễn Thị Thu là chủ sở hữu.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|----------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 573.999.859 | 108.727.456 |
| Tăng do trích lập lợi nhuận | 870.000.000 | 466.122.403 |
| Giảm trong năm | (6.200.000) | (850.000) |
| Số cuối năm | 1.437.799.859 | 573.999.859 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: 1.000 VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng |
|---|---------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm trước | 255.227.670 | 3.254.265 | 2.967.607 | 13.988.537 | 105.845 | 9.322.448 | - | 284.866.371 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | 9.017.652 | - | 9.017.652 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển trong năm trước | - | - | - | 466.122 | - | (466.122) | - | - |
| Trích quỹ phúc lợi trong năm trước | - | - | - | - | - | (466.122) | - | (466.122) |
| Số dư cuối năm trước | 255.227.670 | 3.254.265 | 2.967.607 | 14.454.659 | 105.845 | 17.407.855 | - | 293.417.900 |
| Số dư đầu năm nay | 255.227.670 | 3.254.265 | 2.967.607 | 14.454.659 | 105.845 | 17.407.855 | - | 293.417.900 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | - | 16.591.359 | 313.907 | 16.905.266 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển trong năm | - | - | - | 870.000 | - | (870.000) | - | - |
| Trích quỹ phúc lợi trong năm | - | - | - | - | - | (870.000) | - | (870.000) |
| Điều chỉnh số đầu năm khi hợp nhất | - | - | - | - | - | 8.628.572 | 45.107.992 | 53.736.564 |
| Số dư cuối năm | 255.227.670 | 3.254.265 | 2.967.607 | 15.324.659 | 105.845 | 40.887.785 | 45.421.899 | 363.189.730 |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 25.522.767 | 25.522.767 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 25.522.767 | 25.522.767 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 25.522.767 | 25.522.767 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 25.522.767 | 25.522.767 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 25.522.767 | 25.522.767 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|-------------|------------|
| - USD | 7.400,48 | 9.850,67 |
| - EUR | 22,35 | 22,35 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu | 77.128.247.558 | 123.522.947.523 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 61.957.390.710 | 114.066.664.210 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 2.309.136.432 | 5.582.206.991 |
| Doanh thu bán vật tư | 3.883.000 | 11.613.137 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 12.857.837.416 | 3.862.463.185 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 81.091.222 | 28.559.264 |
| Chiết khấu thương mại | - | 267.486 |
| Hàng bán trả lại | 2.636.364 | 20.645.545 |
| Giảm giá hàng bán | 78.454.858 | 7.646.233 |
| Doanh thu thuần, trong đó: | 77.047.156.336 | 123.494.388.259 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng hóa | 61.957.390.710 | 114.038.104.946 |
| Doanh thu thuần về bán thành phẩm | 2.309.136.432 | 5.582.206.991 |
| Doanh thu bán vật tư | 3.883.000 | 11.613.137 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 12.776.746.194 | 3.862.463.185 |

Doanh thu với các bên liên quan

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô | 454.639.295 | 29.289.907.862 |
| - Công ty TNHH Bao bì MM Vidon | 54.545.455 | 1.714.207.774 |
| - Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | 647.249.744 | 17.028.964.500 |
| - Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực | 23.244.184.128 | 22.955.590.238 |
| Cộng | 24.400.618.622 | 70.988.670.374 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Giá vốn hàng hóa | 58.890.496.954 | 127.987.523.246 |
| Giá vốn thành phẩm (*) | 2.566.005.746 | 8.154.449.077 |
| Giá vốn vật tư | 3.678.600 | 10.609.152 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 8.184.552.994 | 3.380.715.135 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 2.549.111.864 | 2.154.662.100 |
| Cộng | 72.193.846.158 | 141.687.958.710 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 4.340.194 | 22.038.100 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia (*) | 2.946.797.520 | 974.489.000 |
| Lãi từ chuyển nhượng cổ phần | 638.945.082 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 13.133.047 | 172.346.048 |
| Chênh lệch từ chuyển nhượng cổ phiếu theo phụ lục II ký ngày 12 tháng 06 năm 2013 với Công ty TNHH Bao bì MM Vidon | - | 85.929.265.746 |
| Cộng | <u>3.603.215.843</u> | <u>87.098.138.894</u> |

() Chi tiết:*

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| - Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh | 354.489.000 | 804.489.000 |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 2.592.308.520 | - |
| - Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ | - | 170.000.000 |
| Cộng | <u>2.946.797.520</u> | <u>974.489.000</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 8.201.129.030 | 7.053.468.392 |
| Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính | (9.847.361.774) | 21.828.782.865 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 46.762.929 | 239.520.000 |
| chi phí tài chính khác | 1.707.938.810 | 108.391.628 |
| Cộng | <u>108.468.995</u> | <u>29.230.162.885</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 937.042.934 | 1.450.686.543 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | - | 74.243.602 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 181.573.618 | 81.708.768 |
| Chi phí bằng tiền khác | 21.994.951 | 13.876.176 |
| Cộng | <u>1.140.611.503</u> | <u>1.620.515.089</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.702.727.282 | 2.444.129.328 |
| Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý | 2.396.307 | 2.987.274 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 499.925.144 | 583.830.290 |
| Thuế, phí và lệ phí | 35.733.739 | 56.985.980 |
| Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi | (13.985.394.405) | 12.863.942.770 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.469.466.074 | 8.842.739.428 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.444.477.176 | 1.327.891.231 |
| Cộng | <u>(7.830.668.683)</u> | <u>26.122.506.301</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập từ tiền thuê đất (*) | 6.868.343.400 | - |
| Thu nhập khác | 19.087.850 | 2.839.194.772 |
| Cộng | <u>6.887.431.250</u> | <u>2.839.194.772</u> |

(*) Trong năm 2015, theo thông báo số 8470/TB-CT ngày 18/9/2015 của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, áp dụng nguyên tắc thận trọng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đã trích đủ số thuế theo công văn trên; đồng thời Công ty làm Công văn số 3915/CV ngày 01/10/2015 gửi Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh xem xét hỗ trợ. Theo phiếu chuyển số 1147/PC-CT ngày 16/10/2015 Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hồ sơ về Chi Cục Thuế quận Tân Bình xử lý. Theo Thông báo số 5747/TBTĐ-CCT-KKKTTTH ngày 10/3/2016 xác định số tiền thuê đất phải nộp năm 2016 vẫn theo đơn giá cũ. Do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đã hoàn nhập tiền thuê đất tạm tính năm 2015 vào thu nhập khác năm 2016.

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí phạt chậm nộp thuế | 3.329.341.578 | 814.766.118 |
| Chi phí khác | 3.700 | 2.691.039.605 |
| Cộng | <u>3.329.345.278</u> | <u>3.505.805.723</u> |

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 4.121.656.196 | 4.544.414.355 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.021.507.471 | 2.948.054.662 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.113.035.090 | 1.238.353.627 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.008.782.649 | 12.928.520.193 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.502.205.866 | 1.398.753.387 |
| Cộng | <u>9.767.187.272</u> | <u>23.058.096.224</u> |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 14.510.542.722 | 9.017.651.534 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> | (870.000.000) | (870.000.000) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 13.640.542.722 | 8.147.651.534 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 25.522.767 | 25.522.767 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>534</u> | <u>319</u> |

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được trình bày và điều chỉnh lại để so sánh với số liệu của năm nay theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay tạm tính căn cứ theo số quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích lập năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|---------------|----------------|
| Nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực bằng căn trừ công nợ | - | 78.582.206.500 |
| Cổ tức chưa thu được bằng tiền | 2.592.308.520 | - |
| Chi phí lãi vay chưa trả | 4.878.380.840 | 3.706.341.339 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin so sánh

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm đầu tiên Công ty hợp nhất Báo cáo tài chính do phát sinh công ty con. Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc phát sinh trong năm:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương | 1.160.360.067 | 1.061.724.231 |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 372.000.000 | 358.500.000 |
| Thù lao Ban kiểm soát | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Cộng | 1.592.360.067 | 1.420.224.231 |

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:**Bên liên quan****Mối quan hệ**

| | |
|--|----------------------------------|
| Công ty TNHH Bao bì MM VIDON | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Mai Lan | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Viễn Đông | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Hưng Phú | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu: | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.970.773.406 | 4.970.773.406 | 2.575.174.031 | 2.575.174.031 |
| Phải thu khách hàng | 137.265.207.002 | 114.402.071.493 | 132.666.707.581 | 86.493.832.634 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 20.777.860.599 | 20.647.860.599 | 8.083.371.971 | 7.953.371.971 |
| Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán: | | | | |
| Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu | 295.656.716.521 | (*) | 382.918.113.694 | (*) |
| Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: | | | | |
| Phải trả cho người bán | (9.148.996.412) | (9.148.996.412) | (8.013.122.947) | (8.013.122.947) |
| Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn | (91.646.568.675) | (91.646.568.675) | (71.359.794.712) | (71.359.794.712) |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | (1.559.329.573) | (1.559.329.573) | (10.296.682.507) | (10.296.682.507) |
| Phải trả người lao động | (715.389.851) | (715.389.851) | (501.169.847) | (501.169.847) |
| Chi phí phải trả | (12.283.435.969) | (12.283.435.969) | (8.971.833.295) | (8.971.833.295) |
| Các khoản phải trả khác | (20.431.949.158) | (20.431.949.158) | (46.131.525.066) | (46.131.525.066) |
| Cộng | 335.384.887.890 | 275.867.525.435 | 380.969.238.903 | 238.786.254.520 |

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Đơn vị tính: VND | | |
|------------------------------------|--|--------------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.970.773.406 | - | 4.970.773.406 |
| Phải thu khách hàng | 114.402.071.493 | 22.863.135.509 | 137.265.207.002 |
| Các khoản phải thu khác | 20.647.860.599 | 130.000.000 | 20.777.860.599 |
| Cộng | <u>140.020.705.498</u> | <u>22.993.135.509</u> | <u>163.013.841.007</u> |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.575.174.031 | - | 2.575.174.031 |
| Phải thu khách hàng | 86.493.832.634 | 46.172.874.947 | 132.666.707.581 |
| Các khoản phải thu khác | 7.953.371.971 | 130.000.000 | 8.083.371.971 |
| Cộng | <u>97.022.378.636</u> | <u>46.302.874.947</u> | <u>143.325.253.583</u> |

6. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | Đơn vị tính: VND | | |
|--------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
| Số cuối năm | | | |
| Phải trả cho người bán | 9.148.996.412 | - | 9.148.996.412 |
| Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn | 59.546.568.675 | 32.100.000.000 | 91.646.568.675 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.559.329.573 | - | 1.559.329.573 |
| Phải trả người lao động | 715.389.851 | - | 715.389.851 |
| Chi phí phải trả | 12.283.435.969 | - | 12.283.435.969 |
| Các khoản phải trả khác | 18.994.149.299 | - | 18.994.149.299 |
| Cộng | <u>102.247.869.779</u> | <u>32.100.000.000</u> | <u>134.347.869.779</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Phải trả cho người bán | 8.013.122.947 | - | 8.013.122.947 |
| Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn | 31.127.794.712 | 40.232.000.000 | 71.359.794.712 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 10.296.682.507 | - | 10.296.682.507 |
| Phải trả người lao động | 501.169.847 | - | 501.169.847 |
| Chi phí phải trả | 8.971.833.295 | - | 8.971.833.295 |
| Các khoản phải trả khác | 45.557.525.207 | - | 45.557.525.207 |
| Cộng | 104.468.128.515 | 40.232.000.000 | 144.700.128.515 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có phát sinh giao dịch mua dịch vụ bằng USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá hối đoái vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.


Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty như sau:


| | Đơn vị tính: VND | | |
|---|--|----------------------------|-----------------------|
| | Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, vật tư | Doanh thu cung cấp dịch vụ | Cộng |
| Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận | 64.270.410.142 | 12.776.746.194 | 77.047.156.336 |
| Giá vốn hàng bán theo bộ phận | (64.009.293.164) | (8.184.552.994) | (72.193.846.158) |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận | 261.116.978 | 4.592.193.200 | 4.853.310.178 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | 6.690.057.180 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 11.543.367.358 |
| Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | | | 1.766.908.465 |
| Doanh thu tài chính | | | 3.603.215.843 |
| Chi phí tài chính | | | (108.468.995) |
| Thu nhập khác | | | 6.887.431.250 |
| Chi phí khác | | | (3.329.345.278) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (931.851.442) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | (2.839.898.699) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 16.591.358.502 |


9. Thông tin hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017


Bùi Văn Thủy
Người lập biểu


Bùi Văn Thủy
Kế toán trưởng


Bùi Quang Minh
Tổng giám đốc



* H H H *